TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-PT
Ngày 20 - 4 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về huê, họ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn T
- *Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Mạnh Hùng
Ông Đặng Ngọc Bình.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2020/TLPT-DS ngày 20/01/2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về huê, họ*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐ-PT ngày 05/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi A, sinh năm: 1952; Cư trú tại: Số nhà 81, tổ 02, thôn Lạc Lâm Làng, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Đàm Thị Khắc Y, sinh năm: 1969; Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1962; Cư trú tại: Tổ 02, thôn Lạc Lâm Làng, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Bùi A trình bày: Bà và vợ chồng bà Đàm Thị Khắc Y, ông Bùi Văn T ở cùng xóm. Do bà Ycần vốn làm vườn nên có tham gia chơi 01 dây huê (họ) do bà làm cái. Dây huê áp cái 3.000.000đ vào ngày 20/11/2017, có 18 phần, huê xổ hàng tháng, bà Y tham gia 02 phần huê. Tháng 12 năm 2017 và tháng 01 năm 2018, bà Y lần lượt hốt cả 02 phần huê. Sau khi hốt huê, bà Y đóng tiền

huê chết cho bà từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2018 thì ngưng. Ngày 03/10/2018 bà Y viết cho bà giấy cam kết bắt đầu từ ngày 30/01/2019, mỗi tháng bà Y sẽ đóng tiền huê cho bà từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ tiền huê là 76.000.000đ, sau đó bà Ychỉ trả cho bà 4.000.000đ (vào tháng 01 và tháng 4 năm 2019) không đúng như những gì bà Y cam kết và còn nợ bà 72.000.000đ.

Ngoài ra, bà Y còn vay của bà 30.000.000đ vào ngày 27/4/2018 với thời hạn vay là 03 tháng. Đến hạn trả nợ, bà nhiều lần yêu cầu bà Y trả nợ nhưng bà Ychỉ trả cho bà được 2.000.000đ rồi không trả nữa.

Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải buộc vợ chồng bà Y ông T phải trả cho bà 72.000.000đ tiền nợ huê và 28.000.000đ tiền vay. Số tiền bà Y vay và nợ huê của bà là để đầu tư làm vườn và lo công việc gia đình. Ông T là chồng bà Y biết bà Y chơi huê và vay tiền của bà nên ông T cũng phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả cho bà tổng số tiền nợ huê và nợ vay là 100.000.000đ.

Bị đơn bà Đàm Thị Khắc Y trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà A số tiền 30.000.000đ với lãi suất 1.800.000đ/tháng. Bà đã trả lãi cho bà A 07 tháng và đã trả tiền gốc cho bà A được 2.000.000đ, còn nợ lại bà A là 28.000.000đ. Bà cũng thừa nhận bà còn nợ bà A 72.000.000đ tiền huê như bà A trình bày và bà không có tranh chấp gì với bà A về số nợ 72.000.000đ nhưng theo bà, giữa bà và bà A đã thỏa thuận về phương án trả nợ, mỗi tháng bà trả tiền huê cho bà A từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ, bà vẫn thực hiện nghĩa vụ trả tiền hàng tháng cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà trả một lần tiền huê thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho bà A tiền huê mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

Bà cho rằng giữa bà và ông T chỉ tồn tại hôn nhân về mặt pháp lý chứ thực tế bà và ông T phần ai người đó sống, làm ăn kinh tế độc lập. Bà chơi huê và vay tiền của bà A về để tiêu xài cá nhân. Trách nhiệm trả nợ cho bà A là của bà. Bà không đồng ý buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới cùng bà trả số nợ 28.000.000đ tiền vay và 72.000.000đ tiền huê nêu trên cho bà A.

Bị đơn ông Bùi Văn T trình bày: Ông không biết việc vay tiền và chơi huê giữa bà Yvà bà A. Ông không có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả số tiền vay 28.000.000đ và số nợ tiền huê 72.000.000đ cho bà A vì hai khoản nợ này không liên quan đến ông. Giữa ông và bà Y làm ăn kinh tế độc lập, không liên quan đến nhau.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi A. Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn T, bà Đàm Thị Khắc Y có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Bùi A số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, bị đơn bà Đàm Thị Khắc Y kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm: cho bà trả dần 3.000.000đ/ tháng đối với tiền nợ huê và đề nghị tính lại đối với số tiền lãi đối với

số tiền vay 28.000.000đ vì bà đã trả được 07 tháng là 12.600.000đ với mức lãi 6%/tháng là 1.800.000đ/tháng. Cùng ngày ông Bùi Văn T cũng kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông liên đới cùng với bà Y trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phía nguyên đơn không kháng cáo nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Y cần vốn làm vườn nên có tham gia 02 phần huê (họ) áp cái 3.000.000đ vào ngày 20/11/2017, huê có 18 phần, xổ hàng tháng, do bà A làm cái. Tháng 12 năm 2017 và tháng 01 năm 2018, bà Y lần lượt hốt cả 02 phần huê. Sau khi hốt huê, bà Yđóng tiền huê chết cho bà A từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2018 thì ngưng. Ngày 03/10/2018 bà Yvà bà A thỏa thuận và bà Yviết cho bà A giấy cam kết bắt đầu từ ngày 30/01/2019, mỗi tháng bà Y sẽ đóng cho bà từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ tiền huê là 76.000.000đ. sau đó bà Y chỉ trả cho bà A được 4.000.000đ (vào tháng 01 và tháng 4 năm 2019) còn nợ bà 72.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 27/4/2018 bà Ycòn vay của bà A số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng. Bà Yđã trả cho bà A được 2.000.000đ rồi không trả nữa. Đến hạn trả nợ tiền vay và tiền nợ huê bà Ykhông trả cho bà A như đã cam kết nên giữa các bên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về huê, họ"* giữa nguyên đơn bà Bùi A và bị đơn bà Đàm Thị Khắc Y, ông Bùi Văn T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y thì:

Theo hồ sơ và lời trình bày của bà A, bà Y thì thể hiện: Ngày 27/4/2018 bà Đàm Thị Khắc Y có vay của bà Bùi A số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng để làm vốn sản xuất và bà Y đã trả được cho bà A 2.000.000đ, còn nợ lại số tiền 28.000.000đ. Và theo giấy cam kết ngày 03/10/2018 bà Y thừa nhận còn nợ tiền huê của bà A số tiền 76.000.000đ, cam kết mỗi tháng bà Y trả cho bà A từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ, thời hạn bắt đầu trả từ ngày 30/01/2019 và bà Y đã trả cho bà 4.000.000đ còn nợ lại 72.000.000đ là có thật.

Bà A cho rằng khoản nợ vay và nợ huê bà Y sử dụng để đầu tư làm vườn và lo công việc gia đình. Ông T là chồng bà Y biết bà Ychơi huê và vay tiền của bà. Do bà Y

vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thực hiện đúng cam kết giữa bà A và Bà Y lập ngày 30/01/2019 nên bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Y và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền nợ tiền huê là 72.000.000đ và nợ tiền vay là 28.000.000đ.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà A thì bà Ykhông đồng ý, bà Y cho rằng đây là khoản nợ riêng giữa bà Y và bà A chứ không liên quan gì đến ông T, việc chơi huê và vay tiền của bà A là để tiêu xài cá nhân. Giữa bà Y và ông T chỉ tồn tại hôn nhân về mặt pháp lý chứ thực tế phần ai người đó sống, làm ăn, kinh tế độc lập. Bà Y chỉ đồng ý trả dần cho bà A mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

Ông Bùi Văn T cho rằng giữa ông và bà Y làm ăn kinh tế độc lập, không liên quan đến nhau, ông T không biết việc vay tiền và chơi huê giữa bà Y và bà A nên ông T không có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả số nợ trên nhưng không được bà A chấp nhận.

Xét hiện nay ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y là vợ chồng, số tiền nợ vay và nợ huê tuy ông T không trực tiếp ký vào giấy vay tiền và giấy cam kết trả nợ tiền huê. Nhưng mục đích vay tiền và nợ huê của bà Y là để làm vốn sản xuất và lo cho gia đình là đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống chung của gia đình. Thời gian bà Y vay tiền của bà A là ngày 27/4/2018 và chơi huê từ tháng 11/2017, thời gian này ông T và bà Yvẫn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, cả hai đang sống chung. Việc ông T và bà Y cho rằng giữa ông T và bà Y chỉ tồn tại quan hệ hôn nhân trên pháp lý chứ thực tế ông T và bà Y sống và làm kinh tế riêng không liên quan tới nhau nên ông T không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả nợ cho bà A là không có cơ sở vì trên thực tế ông T, bà Y vẫn là vợ chồng hợp pháp.

Hơn nữa, trong những vụ án dân sự trước đây tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông T thừa nhận: "Bản thân ông bị bệnh bao tử và viêm khớp hơn 10 năm, do ông bị bệnh nên ông không làm được gì và mọi sinh hoạt trong gia đình đều do bà Y chịu trách nhiệm lo toan". Do đó, lời trình bày của ông T và bà Y là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 thì:

*"**Điều 27**. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng ...*

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

***Điều 30**. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...*

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

***Điều 37**. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".

Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Buộc vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Bùi A số tiền 72.000.000đ tiền nợ huê và 28.000.000đ tiền nợ vay. Tổng cộng là 100.000.000đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi A về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về huê, họ"* với bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đàm Thị Khắc Y có trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi A số tiền 72.000.000đ tiền nợ huê và 28.000.000đ tiền nợ vay. Tổng cộng là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011325 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Buộc bị đơn ông Bùi Văn T, bà Đàm Thị Khắc Y phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0016066 và số 0016065 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Vợ chồng ông Bùi Văn T, bà Đàm Thị Khắc Y phải nộp tiếp số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Y

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Y

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Lâm Hà;
- CCTHADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân